

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **33** /CBTT-GMH

Quảng Trị, ngày **12** tháng 08 năm 2023

“V/v công bố BCTC giữa niên độ năm 2023  
đã được soát xét và giải trình chênh lệch LNST”

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ “Công ty”**
2. Mã chứng khoán: **GMH**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
4. Điện thoại: 0233 3582 460 Fax: 0233 3584 809
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Đặng Sĩ Tiếp**; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
6. Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ
7. Nội dung công bố thông tin:
  - 7.1. Công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, gồm:
    - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
    - Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ;
    - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số: B 01a-DN);
    - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN);
    - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số: B 03a-DN);
    - Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số: B 09a-DN).
  - 7.2. Giải trình chênh lệch trên 10% lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022:

Lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của CTCP Minh Hưng Quảng Trị tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN) là 7,72 tỷ đồng; giảm 6,31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

**Nguyên nhân:**

- Do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các loại gạch Tuynel giảm hơn 7,4 triệu viên QC. Do đó Công ty phải giảm giá bán



để tiêu thụ được sản phẩm, đồng thời các chi phí đầu vào tăng làm tăng giá thành sản phẩm, dẫn đến lợi nhuận giảm 5,76 tỷ đồng.

- Doanh thu tài chính trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm trước là 0,64 tỷ đồng.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 1,19 tỷ đồng làm lợi nhuận giảm thêm 1,19 tỷ đồng.

8. Thông tin trên được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn: <http://minhhungqt.vn/congbothongtin/>

CTCP Minh Hưng Quảng Trị cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD (để b/c);
- Lưu HĐQT, ĐT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



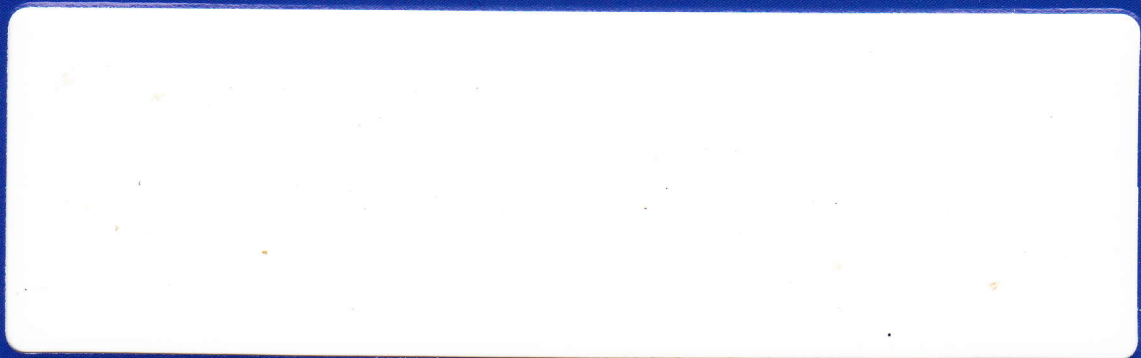
**ĐẶNG SĨ TIẾP**





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

## International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Trương Đức Trí	Thành viên
Ông Lê Đình Minh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đăng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lê Quang Hùng	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 24/04/2023)
Ông Phạm Quốc Hải	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 25/04/2023)
Ông Phạm Quốc Hải	Thành viên (đến ngày 25/04/2023)
Ông Thái Vĩnh Đồng	Thành viên
Bà Võ Thị Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2023)

#### **Ban Kiểm toán nội bộ**

Ông Lê Đình Minh	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Thạnh	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Sung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Đình Sung**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ngày 10 tháng 08 năm 2023

Số: 081002/2023/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:           Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Thiện Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2023-072-1  
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.032.611.169</b>	<b>165.086.377.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.686.473.006</b>	<b>5.505.311.153</b>
1. Tiền	111	V.1	4.686.473.006	5.505.311.153
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>87.934.599.720</b>	<b>93.434.599.720</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.434.599.720	3.434.599.720
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	84.500.000.000	90.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.356.012.027</b>	<b>17.521.620.133</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.081.938.991	18.478.994.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	387.800.040	67.537.325
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.289.360.100	384.076.800
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.403.087.104)	(1.408.988.604)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>52.273.370.874</b>	<b>47.792.523.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.574.485.846	48.096.021.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(301.114.972)	(303.498.227)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>782.155.542</b>	<b>832.323.701</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	782.125.542	832.293.701
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	30.000	30.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.394.919.650</b>	<b>34.480.140.883</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.997.833.612</b>	<b>33.043.820.955</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.997.833.612	33.043.820.955
- Nguyên giá	222		109.517.196.046	108.051.823.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.519.362.434)	(75.008.002.091)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>355.254.546</b>	<b>355.254.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	355.254.546	355.254.546
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.041.831.492</b>	<b>1.081.065.382</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.041.831.492	1.081.065.382
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>198.427.530.819</b>	<b>199.566.518.733</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.051.190.832</b>	<b>16.654.892.503</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.051.190.832</b>	<b>16.654.892.503</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.742.696.587	5.392.738.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		471.289.385	214.899.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	4.159.267.944	5.523.219.606
4. Phải trả người lao động	314		3.791.777.287	4.797.466.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		163.409.091	80.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	393.285.362	307.103.362
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		329.465.176	339.465.176
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>182.376.339.987</b>	<b>182.911.626.230</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>182.376.339.987</b>	<b>182.911.626.230</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	165.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	165.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.811.962.000	5.811.962.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	678.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		371.000.000	371.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.515.377.987	11.050.664.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.800.664.230	2.166.849.614
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.714.713.757	8.883.814.616
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>198.427.530.819</b>	<b>199.566.518.733</b>

Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng




Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

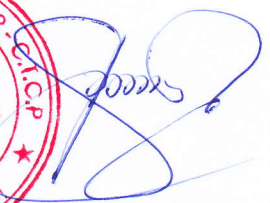

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		66.664.719.179	78.749.294.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	66.664.719.179	78.749.294.552
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.448.286.865	58.994.592.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.216.432.314	19.754.702.394
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.208.402.847	4.563.521.693
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	168.669.669	58.420.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		168.669.669	58.420.426
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.823.657.059	2.661.745.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.723.596.565	4.000.760.556
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.708.911.868	17.597.297.873
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	76.935.712	29.786.927
13. Lợi nhuận khác	40		(76.935.712)	(29.786.927)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.631.976.156	17.567.510.946
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.917.262.399	3.537.628.098
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.714.713.757	14.029.882.848
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	468	850
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	468	850

  
Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu

  
Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng

  
  
Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.631.976.156</b>	<b>17.567.510.946</b>
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.511.360.343	2.660.626.413
Các khoản dự phòng	03	(8.284.755)	5.770.530
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.208.402.847)	(4.545.639.103)
Chi phí lãi vay	06	168.669.669	58.420.426
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>7.095.318.566</b>	<b>15.746.689.212</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(898.490.394)	(3.421.431.738)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.478.464.476)	3.418.546.241
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.710.682.894	2.460.015.798
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	89.402.049	285.458.450
Tiền lãi vay đã trả	14	(168.669.669)	(58.420.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.267.101.509)	(3.021.970.809)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(927.322.539)</b>	<b>15.408.886.728</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.419.918.455)	(1.513.062.568)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(76.000.000.000)	(104.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	81.500.000.000	106.000.000.000
4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.278.402.847	3.423.521.693
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.358.484.392</b>	<b>3.910.459.125</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.127.256.909	4.061.610.588
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.127.256.909)	(2.561.610.588)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.250.000.000)	(26.400.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(8.250.000.000)</b>	<b>(24.900.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(818.838.147)</b>	<b>(5.580.654.147)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.505.311.153</b>	<b>11.383.921.950</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.686.473.006</b>	<b>5.803.267.803</b>

Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739.QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27/11/1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng ngày. Công ty đã niêm yết theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 733/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMH.

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng và sản xuất gạch ngói.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại Km 8, Quốc lộ 9, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 317 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 379 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 08

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	933.472.392	1.678.469.605
Tiền gửi ngân hàng	3.753.000.614	3.826.841.548
<b>Cộng</b>	<b>4.686.473.006</b>	<b>5.505.311.153</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	3.434.599.720	(*)	-	3.434.599.720	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.434.599.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.434.599.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty nắm giữ 44.275 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 với mệnh giá 100.000 đồng/ cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 chưa có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán nên Công ty chưa thể đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý.

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	76.000.000.000	68.000.000.000
Trái phiếu (**)	8.500.000.000	22.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>84.500.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

Trong đó:

- (\*) Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại nhỏ hơn 12 tháng tại các ngân hàng cụ thể như sau:

Ngân hàng	Số tiền	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Trị	23.000.000.000	6 tháng	9,5%/năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Quảng Trị	20.000.000.000	13 tháng	10,3%/năm
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Quảng Trị	33.000.000.000	6 tháng	9,2 - 9,5%/năm
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.000.000.000</b>		

- (\*\*) Bao gồm các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày thực hiện bán theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu với các Công ty Cổ phần chứng khoán. Thời hạn từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày thực hiện bán là dưới 12 tháng. Cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	13,5% - 14%	8.500.000.000	9,5% - 9,7%	22.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>8.500.000.000</b>		<b>22.000.000.000</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	2.132.435.250	2.406.915.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Số 1 - Nhà máy sản xuất tấm lợp Tâm Châu	2.116.971.552	1.950.598.191
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Chế biến lâm sản Thăng Long	2.041.344.000	1.106.640.000
Các khách hàng khác	12.791.188.189	13.014.841.421
<b>Cộng</b>	<b>19.081.938.991</b>	<b>18.478.994.612</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư JP Finance	100.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Sáng tạo Công nghệ Cơ điện	84.480.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo biển áp Hà Nội	80.300.000	-
Các nhà cung cấp khác	123.020.040	67.537.325
<b>Cộng</b>	<b><u>387.800.040</u></b>	<b><u>67.537.325</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	4.000.000
Tạm ứng	65.360.100	90.076.800
Phải thu về lãi trái phiếu	160.000.000	290.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.060.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.289.360.100</u></b>	<b><u>384.076.800</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4  
 Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây dựng X27	225.730.000	-	(225.730.000)	225.730.000
Công ty Cổ phần Thành Quả	131.854.395	-	(131.854.395)	131.854.395
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hòa	91.825.000	-	(91.825.000)	91.825.000
Các đối tượng khác	1.140.907.135	187.229.426	(953.677.709)	1.326.629.135
<b>Cộng</b>	<b>1.590.316.530</b>	<b>187.229.426</b>	<b>(1.403.087.104)</b>	<b>1.776.038.530</b>
				<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>
				<b>Dự phòng VND</b>
				<b>Giá gốc VND</b>
				<b>Dự phòng VND</b>
				<b>Giá gốc VND</b>
				<b>Dự phòng VND</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.298.828.618	(271.973.937)	22.916.933.667	(274.288.372)
Công cụ, dụng cụ	1.146.187.211	(29.141.035)	1.297.235.680	(29.209.855)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.383.453.000	-	1.901.744.000	-
Thành phẩm	29.746.017.017	-	21.915.660.826	-
Hàng hoá	-	-	64.447.197	-
<b>Cộng</b>	<b>52.574.485.846</b>	<b>(301.114.972)</b>	<b>48.096.021.370</b>	<b>(303.498.227)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	57.981.539.493	35.085.686.280	14.709.597.273	275.000.000	108.051.823.046
Mua trong kỳ	-	-	1.465.373.000	-	1.465.373.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>57.981.539.493</b>	<b>35.085.686.280</b>	<b>16.174.970.273</b>	<b>275.000.000</b>	<b>109.517.196.046</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	36.173.013.048	25.405.552.120	13.154.436.923	275.000.000	75.008.002.091
Khấu hao trong kỳ	1.361.146.528	908.986.787	241.227.028	-	2.511.360.343
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.534.159.576</b>	<b>26.314.538.907</b>	<b>13.395.663.951</b>	<b>275.000.000</b>	<b>77.519.362.434</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	21.808.526.445	9.680.134.160	1.555.160.350	-	33.043.820.955
Số dư cuối kỳ	20.447.379.917	8.771.147.373	2.779.306.322	-	31.997.833.612

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 63.801.331.632 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 63.252.981.632 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhà máy vôi công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
<b>Cộng</b>	<b>355.254.546</b>	<b>355.254.546</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	623.114.043	832.293.701
Chi phí trả trước khác	159.011.499	-
<b>Cộng</b>	<b>782.125.542</b>	<b>832.293.701</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	974.568.840	1.067.565.382
Chi phí trả trước khác	67.262.652	13.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.041.831.492</b>	<b>1.081.065.382</b>

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	312.086.061	225.904.061
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.199.301	81.199.301
<b>Cộng</b>	<b>393.285.362</b>	<b>307.103.362</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH GYPSUM Miền Trung	3.251.901.033	3.251.901.033	1.544.836.620	1.544.836.620
Công ty TNHH Hòa Đại Phát	966.180.000	966.180.000	714.380.000	714.380.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	702.038.000	702.038.000	712.833.819	712.833.819
Các nhà cung cấp khác	1.822.577.554	1.822.577.554	2.420.688.111	2.420.688.111
<b>Cộng</b>	<b>6.742.696.587</b>	<b>6.742.696.587</b>	<b>5.392.738.550</b>	<b>5.392.738.550</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chỉ tiết thuyết minh số VII.1)</b>	<b>317.318.500</b>	<b>317.318.500</b>	<b>169.693.000</b>	<b>169.693.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp, bù trừ trong kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	30.000	13.635.712	13.635.712	30.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000</b>	<b>13.635.712</b>	<b>13.635.712</b>	<b>30.000</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.600.253.653	6.675.483.796	5.627.344.190	552.114.047
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.917.262.399	1.917.262.399	4.267.101.509	4.267.101.509
Thuế thu nhập cá nhân	351.672.500	365.249.841	717.581.391	704.004.050
Thuế đất, tiền thuê đất	290.079.392	290.079.392	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.159.267.944</b>	<b>9.248.075.428</b>	<b>10.612.027.090</b>	<b>5.523.219.606</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

Kim 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>165.000.000.000</b>		<b>5.811.962.000</b>		<b>678.000.000</b>		<b>371.000.000</b>		<b>28.566.849.614</b>		<b>200.427.811.614</b>	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		25.383.814.616		25.383.814.616	
Chia cổ tức năm 2021	-		-		-		-		(26.400.000.000)		(26.400.000.000)	
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (*)	-		-		-		-		(16.500.000.000)		(16.500.000.000)	
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>165.000.000.000</b>		<b>5.811.962.000</b>		<b>678.000.000</b>		<b>371.000.000</b>		<b>11.050.664.230</b>		<b>182.911.626.230</b>	
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-		-		-		-		7.714.713.757		7.714.713.757	
Chia cổ tức còn lại năm 2022 (**)	-		-		-		-		(8.250.000.000)		(8.250.000.000)	
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>165.000.000.000</b>		<b>5.811.962.000</b>		<b>678.000.000</b>		<b>371.000.000</b>		<b>10.515.377.987</b>		<b>182.376.339.987</b>	

(\*) Việc tạm ứng cổ tức năm 2022 được thực hiện theo Thông báo số 50/TB-GMH ngày 24/10/2022. Theo đó, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Tỷ lệ thực hiện 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng).

(\*\*) Việc chia phần cổ tức còn lại năm 2022 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/ND-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023 của Công ty. Theo đó, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá cổ phiếu tương ứng số tiền 24.750.000.000 đồng. Số Công ty đã tạm ứng trong năm 2022 là 16.500.000.000 đồng. Do đó phần cổ tức còn lại chi trả trong năm 2023 là 8.250.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Ông Lê Đình Sung	25.011.850.000	15,16%	25.011.850.000	15,16%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.000.000.000	14,55%	24.000.000.000	14,55%
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	22.500.000.000	13,64%	22.500.000.000	13,64%
Bà Trần Thiên Như An	9.118.000.000	5,53%	9.119.000.000	5,53%
Ông Lê Đình Minh	8.308.360.000	5,04%	8.308.360.000	5,04%
Các cổ đông khác	76.061.790.000	46,10%	76.060.790.000	46,10%
<b>Tổng cộng</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán gạch	28.894.743.208	47.360.329.916
Doanh thu bán xi măng	36.551.250.558	30.626.980.438
Doanh thu bán đá xây dựng	37.059.092	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.181.666.321	761.984.198
<b>Cộng</b>	<b>66.664.719.179</b>	<b>78.749.294.552</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán gạch	26.851.219.871	35.510.823.038
Giá vốn bán xi măng	25.571.035.177	22.834.587.589
Giá vốn cung cấp dịch vụ	991.510.527	674.729.976
Giá vốn đá xây dựng	36.904.545	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.383.255)	(25.548.445)
<b>Cộng</b>	<b>53.448.286.865</b>	<b>58.994.592.158</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	1.008.172.970	4.558.884.336
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.200.229.877	4.637.357
<b>Cộng</b>	<b>5.208.402.847</b>	<b>4.563.521.693</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	168.669.669	58.420.426
<b>Cộng</b>	<b>168.669.669</b>	<b>58.420.426</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.502.221.346	1.468.651.387
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.267.523.181	627.182.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.363.885.846	2.108.212
Chi phí khác	690.026.686	563.803.421
<b>Cộng</b>	<b>4.823.657.059</b>	<b>2.661.745.232</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	12.431.169
Chi phí nhân công	1.873.603.965	1.732.513.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.269.516	376.803.408
Thuế, phí và lệ phí	296.079.392	273.223.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.880.074	260.671.825
Chi phí khác bằng tiền	1.239.665.118	1.313.798.477
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.901.500)	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	31.318.975
<b>Cộng</b>	<b>3.723.596.565</b>	<b>4.000.760.556</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	17.882.590
Chi phí khác	76.935.712	11.904.337
<b>Cộng</b>	<b>76.935.712</b>	<b>29.786.927</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.631.976.156</b>	<b>17.567.510.946</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	76.935.712	187.966.837
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	76.935.712	187.966.837
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>9.708.911.868</b>	<b>17.755.477.783</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	9.463.712.123	17.620.803.198
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi giảm 50% thuế phải nộp (*)	245.199.745	134.674.585
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.917.262.399</b>	<b>3.537.628.098</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.917.262.399</b>	<b>3.537.628.098</b>

(\*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018. Trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023, Công ty được miễn 50% số thuế phải nộp đối với dự án sản xuất gạch không nung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.714.713.757	14.029.882.848
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.714.713.757	14.029.882.848
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.500.000	16.500.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>468</b>	<b>850</b>

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.339.899.550	30.863.520.585
Chi phí nhân công	17.192.513.946	16.187.068.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.511.360.343	2.660.626.413
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(8.284.755)	(25.548.445)
Trích lập dự phòng	-	31.318.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.563.146.205	6.808.796.548
Chi phí khác bằng tiền	3.078.722.246	3.354.367.120
<b>Cộng</b>	<b>68.677.357.535</b>	<b>59.880.149.429</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Ông Lê Đình Sung

Công ty TNHH Minh Hưng

Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP

Công thương Việt Nam

Bà Phạm Thị Mỹ Liên

Bà Trần Thiên Như An

Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT đồng thời là cổ đông lớn cùng người quản lý Công ty (ông Lê Đình Minh là thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty; đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên và Phó Giám đốc Công ty TNHH Minh Hưng)

Bên liên quan (Ông Nguyễn Văn Tú là con rể của ông Lê Đình Sung - Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh)

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua hàng</b>	<b>9.873.886.314</b>	<b>10.649.139.066</b>
Công ty TNHH Minh Hưng	724.681.814	919.981.975
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	9.149.204.500	9.729.157.091
<b>Tạm ứng</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	-	2.500.000.000
<b>Thu hồi tạm ứng</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	-	2.500.000.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>317.318.500</b>	<b>169.693.000</b>
Công ty TNHH Minh Hưng	317.318.500	169.693.000

*Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>348.499.584</b>	<b>345.445.772</b>
Ông Lê Đình Sung	196.099.584	183.445.772
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	42.000.000	42.000.000
Ông Trần Cảnh Bình	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Văn Tú (miễn nhiệm ngày 04/04/2022)	-	21.000.000
Ông Trương Đức Trí	32.400.000	39.000.000
Ông Lê Đình Minh	36.000.000	18.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>287.617.505</b>	<b>258.766.241</b>
Ông Trần Cảnh Bình	86.696.684	78.962.537
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	75.061.237	69.858.487
Ông Đặng Sĩ Tiếp	52.822.820	48.973.395
Ông Hồ Đăng Vinh	73.036.764	60.971.822
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>96.000.000</b>	<b>99.000.000</b>
Ông Lê Quang Hùng (miễn nhiệm ngày 24/04/2023)	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Quốc Hải	33.000.000	30.000.000
Ông Thái Vĩnh Đồng	30.000.000	15.000.000
Bà Võ Thị Ngọc Hà (bổ nhiệm ngày 24/04/2023)	15.000.000	-
Ông Võ Thanh Sơn (miễn nhiệm ngày 04/04/2022)	-	21.000.000
Ông Lê Đức (miễn nhiệm ngày 04/04/2022)	-	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>732.117.089</b>	<b>703.212.013</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 8.127.256.909 đồng.

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

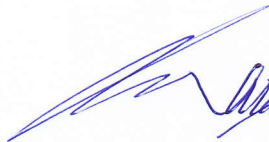
- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 8.127.256.909 đồng.

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bá Hải  
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải  
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 10 tháng 08 năm 2023